**Phân tích Làng Kim Lân mẫu 4**

Nhà văn Kim Lân tên thật là Nguyễn Văn Tài, sinh năm 1920, quê ở làng Chợ Dầu, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Ông chuyên viết truyện ngắn và có tác phẩm đăng báo từ trước Cách mạng tháng Tám năm 1945. Vốn gắn bó và am hiểu sâu sắc cuộc sống nông thôn nên Kim Lân thường viết về đề tài sinh hoạt ở làng quê và cảnh ngộ của người nông dân nghèo trong chế độ phong kiến, thực dân.

Truyện ngắn Làng được ông sáng tác trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp và in trên tạp chí Văn nghệ năm 1948. Tình yêu làng quê và lòng yêu nước, tinh thần kháng chiến của người nông dân đã được tác giả thể hiện chân thực, sâu sắc và cảm động qua nhân vật ông Hai. Cốt truyện không xây dựng trên các chi tiết và sự kiện bên ngoài mà chú trọng đến diễn biến tâm lí, từ đó làm nổi bật tính cách nhân vật và chủ đề tác phẩm.

Bối cảnh của truyện là những năm đầu kháng chiến. Theo lệnh của uỷ ban xã, ông Hai cùng dân làng phải đi tản cư để tránh những trận càn lớn của giặc. Xa làng, ông nhớ cảnh, nhớ người, muốn về thăm nhà. Một hôm ra phố huyện, nghe đám người mới ở dưới xuôi lên bảo rằng dân làng Chợ Dầu theo giặc làm Việt gian, ông buồn lắm.

Nhưng rồi ông ngẫm nghĩ, có thể là một sự nhầm lẫn. Kiểm điểm lại từng người trong óc, ông thấy ai cũng quyết chiến với giặc. Trong lúc ông Hai đang băn khoăn, khổ sở thì bà chủ nhà lại muốn đuổi đi, không cho ở nhờ nữa vì ông là dân làng Chợ Dầu “phản động”. Ông Hai càng buồn tủi và xấu hổ. Bây giờ về làng là theo giặc, ở lại thì không được. Trong lúc ông Hai dường như tuyệt vọng thì chủ tịch làng Chợ Dầu lên tận nơi tản cư cải chính và thông báo tin chiến thắng của quân dân làng Chợ Dầu. Ông Hai vui lắm, đi đâu cũng kể về làng Chợ Dầu, tưởng như chính mình vừa cùng dân làng đánh giặc.

Ở phần đầu truyện, tác giả thuật lại rằng, mỗi khi kể về cái làng Chợ Dầu nổi tiếng khắp vùng Kinh Bắc, ông Hai đều kể bằng giọng say mê náo nức lạ thường. Nào là làng mình nhà ngói san sát, sầm uất như tỉnh; nào là đường làng toàn lát đá xanh, trời mưa đi từ đầu làng đến cuối làng không hề lấm gót, ngày mùa phơi thóc phơi rơm thì tốt thượng hạng... Yêu mến, hãnh diện về làng mình, nên ông Hai mắc tật hay khoe. Theo ông thì cái gì của làng Chợ Dầu quê ông cũng hơn hẳn thiên hạ.

Kháng chiến chống Pháp bùng nổ, cuộc sống của gia đình ông Hai có nhiều thay đổi, duy niềm tự hào về làng Chợ Dầu dường như vẫn y nguyên. Ở nơi tản cư, ông hay kể cho mọi người nghe về làng mình với những hố, những ụ chống càn, những giao thông hào chằng chịt như mạng nhện, những cụ phụ lão râu tóc bạc phơ vẫn tập đi một, hai, một, hai... Làng ông có chòi phát thanh cao nhất vùng, có nhà thông tin rộng rãi sáng sủa nhất vùng... Ông Hai rất kiêu hãnh về phong trào kháng chiến sôi nổi của làng Chợ Dầu. Ông đã tích cực cùng mọi người đào đường đắp luỹ, rào làng kháng chiến, góp phần vào những thành tích đáng tự hào của quê hương.

Ở đoạn trích này, tình yêu làng của ông Hai được thể hiện một cách cảm động trong những ngày buộc phải tản cư. Mọi niềm vui, nỗi khổ của ông gắn liền với vận mệnh của làng Chợ Dầu.

Lúc nào ông cũng nghĩ về cái làng của ông, lại nghĩ đến những ngày cùng làm việc với anh em,... cùng anh em đào đường đắp , xẻ hào, khuân đá... Chao ôi! Ông lão nhớ làng, nhớ cái làng quá.

Khi đứa con gái lớn từ quán về, giao vội nhà cho con, ông Hai náo nức ra phòng thông tin rồi rẽ lên huyện để nghe tin tức kháng chiến.

Tác giả đặt nhân vật vào một tình huống gay cấn để làm nổi bật tính cách nhân vật, bộc lộ sâu sắc tình cảm yêu làng, yêu nước của ông Hai. Tình huống ấy là cái tin làng Chợ Dầu theo giặc, mà chính ông nghe được từ miệng những người mới tản cư dưới xuôi lên.

Khi nghe cái tin đột ngột ấy, ông Hai đau đớn, sững sờ : Cổ ông lão nghẹn ắng hẳn lại, da mặt tê rần rần. Ông lão lặng đi, tưởng như đến không thở được... Lúc đã trấn tĩnh được phần nào, ông vẫn ngờ ngợ, nhưng rồi những người tản cư đã kể rành rọt, lại khẳng định vừa ở dưới ấy lên, khiến ông không thể không tin.

Ông cảm thấy đau đớn vì làng Chợ Dầu yêu quý của ông đã rời bỏ kháng chiến. Không chịu nổi sự nhục nhã, ông vờ đứng lảng ra chỗ khác. Từ lúc ấy, trong tâm trí của ông Hai, cái tin dữ ấy trở thành một nỗi ám ảnh day dứt. Nghe tiếng bà con chửi bọn Việt gian, ông cúi gằm mặt mà đi. Về đến nhà, ông nằm vật ra giường. Nhìn đàn con, ông Hai tủi thân. Nước mắt ông lão cứ giàn ra. Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư? Chúng nó cũng bị người ta rẻ rúng hắt hủi đấy ư?

Tủi nhục và xấu hổ, lúc nào ông Hai cũng nơm nớp lo sợ người ta để ý, bàn tán về dân làng Chợ Dầu theo giặc. Có lúc uất quá, ông nắm chặt tay, nghiến răng nguyền rủa: Chúng bay ăn miếng cơm hay ăn miếng gì vào mồm mà đi làm cái giống Việt gian bán nước để nhục nhã thế này.

Suốt mấy ngày sau, ông Hai không dám đi đâu, ông chỉ quanh quẩn ở nhà, nghe ngóng tình hình bên ngoài: Một đám đông túm lại, ông cũng để ý, dăm bảy tiếng cười nói xa xa, ông cũng chột dạ. Lúc nào ông cũng nơm nớp tưởng như người ta đang để ý, người ta đang bàn tán đến “cái chuyện ấy”. Cứ thoáng nghe những tiếng Tây, Việt gian, cam-nhông... là ông lủi ra một góc nhà, nín thít. Thôi lại chuyện ấy rồi!

Tác giả đã diễn tả rất cụ thể nỗi ám ảnh nặng nề biến thành sự sợ hãi thường xuyên cùng với nỗi đau xót, tủi hổ của ông Hai trước cái tin làng mình theo giặc.

Ông lão yêu làng tha thiết nhưng lại vô cùng căm uất khi nghe tin dân làng theo giặc. Hai tình cảm tưởng chừng mâu thuẫn ấy đã dẫn đến một sự xung đột nội tâm dữ dội. Ông Hai dứt khoát lựa chọn theo cách của ông: Làng thì yêu thật, nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù. Tình cảm yêu nước rộng lớn hơn đã bao trùm lên tình cảm đối với làng quê. Dù đã xác định như thế, nhưng ông Hai vẫn không thể dứt bỏ tình cảm đối với quê hương; vì thế mà ông càng xót xa, cay đắng.

Ông Hai càng bị đẩy vào tình thế bế tắc, tuyệt vọng khi bà chủ nhà nơi tản cư muốn đuổi gia đình ông đi. Đi đâu bây giờ? Không ai muốn chứa chấp dân của cái làng Việt gian, cũng không thể quay về vì về làng tức là chịu quay về làm nô lệ cho Tây. Mâu thuẫn trong tình thế và trong nội tâm nhân vật dường như đã tới đỉnh điểm, đòi hỏi phải được giải quyết.

Có lẽ đây là lần đầu tiên trong đời, ông Hai oán giận làng mình. Không thể san sẻ với người ngoài, ông chỉ còn biết tâm sự với đứa con nhỏ cho vơi nỗi đau. Đây là đoạn truyện bộc lộ một cách chân thực và cảm động tâm trạng của ông Hai:

Ông lão ôm thằng con út lên lòng, vỗ nhè nhẹ vào lưng nó, khẽ hỏi:

- Húc kia! Thầy hỏi con nhé, con là con ai?

- Là con thầy mấy lị con u.

- Thế nhà con ở đâu?

- Nhà ta ở làng Chợ Dầu.

- Thế con có thích về làng Chợ Dầu không?

Thằng bé nép đầu vào ngực bố trả lời khe khẽ:

- Có.

Ông lão ôm khít thằng bé vào lòng, một lúc lâu ông lại hỏi:

- À, thầy hỏi con nhé. Thế con ủng hộ ai?.

Thằng bé giơ tay lên, mạnh bạo và rành rọt:

- Ủng hộ Cụ Hồ Chí Minh muôn năm!

Nước mắt ông lão giàn ra, chảy ròng ròng trên hai má. Ông nói thủ thỉ:

- Ừ đúng rồi, ủng hộ Cụ Hồ con nhỉ.

Mấy hôm nay ru rú ở xó nhà, những lúc buồn khổ quá chẳng biết nói cùng ai, ông lão lại thủ thỉ với con như vậy. Ông nói như thế để ngỏ lòng mình, như để mình lại minh oan cho mình nữa.

Anh em đồng chí biết cho bố con ông.

Cụ Hồ trên đầu trên cổ xét soi cho bố con ông.

Cải lòng bố con ông là như thế đấy, có bao giờ dám đơn sai. Chết thì chết có bao giờ dám đơn sai. Mỗi lần nói ra được đôi câu như vậy nỗi khổ trong lòng ông cũng vơi đi được đôi phần.

Qua những lời tâm sự với đứa con nhỏ, thực chất là tự nhủ với mình, tự giãi bày nỗi lòng mình, ta thấy rõ ở ông Hai tình yêu sâu nặng với cái làng Chợ Dầu của ông. Ông muốn đứa con nhỏ ghi nhớ câu Nhà ta ở làng Chợ Dầu, thuỷ chung với kháng chiến, với cách mạng, với Cụ Hồ. Tình cảm ấy thật bền vững và thiêng liêng.

Nhưng rồi nỗi đau khổ, nhục nhã đã được thay thế bằng niềm vui sướng, hân hoan. Ông Hai vội vã thông báo với mọi người cái tin làng ông bị giặc phá, nhà ông bị giặc đốt: Tây nó đốt nhà tôi rồi ông chủ ạ. Đốt nhẵn. Ông chủ tịch làng em vừa lên cải chính... cải chính cái tin làng Chợ Dầu chúng em là Việt gian ấy mà. Ra láo! Láo hết, chẳng có gì sất. Toàn là “sai sự mục đích” cả!.

Ông Hai mừng rỡ vì dân làng Chợ Dầu vẫn trung thành với kháng chiến. Làng Chợ Dầu vẫn xứng đáng với niềm tự hào của ông. Không nén nổi cảm xúc, ông Hai múa tay lên mà khoe. Nỗi khổ, niềm vui của ông Hai không bó hẹp trong phạm vi của bản thân và gia đình mà tất cả đều gắn liền với làng Chợ Dầu xứ Kinh Bắc.

Mỗi người dân Việt Nam đều yêu thương, gắn bó với quê hương mình bởi đó là nơi tổ tiên, ông cha đã sinh cơ lập nghiệp bao đời; là nơi chôn nhau cắt rốn; nơi có những người thân yêu đang cần cù làm lụng một nắng hai sương. Vì vậy, lòng yêu mến làng quê đã trở thành tình cảm truyền thống của dân tộc Việt Nam, đặc biệt là người nông dân Việt Nam. Yêu làng cũng là yêu nước. Ông Hai đã buồn vui sướng khổ, đã kiêu hãnh, tự hào vì làng Chợ Dầu quê hương ông. Đó chính là vẻ đẹp mới trong tâm hồn người nông dân thời kháng chiến chống Pháp đã được nhà văn Kim Lân khám phá và thể hiện rất thành công.